

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quý Châm; bà Dương Thị Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô: Bà Hoàng Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/HSST, ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Ngọc M (tên gọi khác: không), sinh ngày 20/10/1987 tại thôn T, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú thôn T, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn X (đã chết) và con bà Vũ Thị N, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: 02 tiền sự:

- Ngày 18/9/2018 Công an huyện Sông Lô ra quyết định xử phạt số 101 phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, bị cáo đã nộp ngày 01/10/2019.

- Ngày 24/3/2019 M bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc. Ngày 30/3/2019, Công an huyện Sông Lô ra Quyết định xử phạt số 56, phạt tiền 1.500.000 đồng, M đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

- Những người bị hại: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1958; bà Bùi Thị B, sinh năm 1962. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Biên: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1958. Đều cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. (Đều vắng mặt có lý do).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ Tổ dân phố S, thị trấn T, Sông Lô, Vĩnh Phúc. (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/3/2019, Dương Ngọc M mượn xe máy của một người bạn tên H ở xã Y, huyện Sông Lô (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) để đi chơi. M điều khiển xe chở bạn gái là chị Thiều Thị P sinh năm 1997 ở huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và cháu Dương Bảo L sinh năm 2018 đi ăn tại quán ăn xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại quán ăn, M gọi điện thoại cho ông Đặng Văn T ở thôn T, xã Đ mời đi uống bia và hỏi xin ông T cho con nhưng ông T không ở nhà và hẹn M đầu giờ chiều đến. Khoảng 13 giờ cùng ngày, M chở chị P cùng cháu L đến nhà ông T chơi. Khi đi đến cổng nhà ông T, M dựng xe và bảo chị P bế cháu L đứng bên ngoài cổng chờ còn M một mình đi bộ vào nhà ông T. Cửa nhà ông T mở, M đi vào bên trong nhìn thấy ông T nằm ngủ tại giường kê ở phía bên trái theo hướng nhìn từ ngoài vào. M đi đến gần giường ông T ngủ, nhìn thấy tại vị trí đầu giường, gần gối đầu của ông T có 01 tập tiền được bó bằng dây chun. M quan sát không thấy có ai ở nhà, ông T ngủ say nên M nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. M nhặt tập tiền, đút vào túi quần đang mặc rồi đi ra xe, đưa chị P và cháu L về nhà M. Khi chị P và cháu L ngủ, M đếm tập tiền được 22.000.000đ. Sau đó, M bỏ trốn khỏi địa phương và chi tiêu cho cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 10/6/2019, Cơ quan điều tra triệu tập M đến làm việc. Tại Cơ quan CSĐT công an huyện Sông Lô, Dương Ngọc M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Đối với chị P và cháu L, kết quả điều tra xác định: trong và sau khi trộm cắp tài sản, M không trao đổi và không nói cho chị P biết. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chị P không có mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng vụ án gồm:

- Số tiền 22.000.000đ M trộm cắp của gia đình ông T, M đã chi tiêu cho cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với chiếc xe máy M khai nhận mượn của H và đã trả lại cho H, Minh không nhớ BKS của xe. H đã được triệu tập nhiều lần nhưng H không có ở địa phương nên cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm rõ được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, M và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho ông Đặng Văn T số tiền 22.000.000đ. Ông T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu M bồi thường gì khác.

Tại cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 12 tháng 8 năm 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố Dương Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Ngọc M phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; xử phạt

bị cáo Dương Ngọc M từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/6/2019.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Ngọc M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Do có mối quan hệ quen biết nên khoảng 13 giờ 15 phút ngày 29/3/2019, Dương Ngọc M đến nhà ông Đặng Văn T. M một mình vào nhà ông T, nhìn thấy cửa mở, ông T đang ngủ trên giường bên cạnh gối đầu của ông T có 01 tập tiền nên M đã trộm cắp tập tiền trên. Tổng số tiền M trộm cắp được của gia đình ông T là 22.000.000đ. Sau đó, M chi tiêu cho cá nhân hết.

Xét lời nhận tội của bị cáo M hoàn toàn phù hợp với bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng theo trình tự của Bộ luật hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi lợi dụng sơ hở của ông T, bà B bị cáo M lén lút chiếm đoạt số tiền 22.000.000đ nên đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Do đó bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 12/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Dương Ngọc M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ khỏe nhưng không chịu làm ăn chân chính, để có tiền chi tiêu cho cá nhân bị cáo đã trộm cắp tài sản người khác thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa

phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những người khác.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tránh nhiệm tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Về nhân thân của bị cáo, bị cáo không có tiền án nào, bị cáo có hai tiền sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người công dân có ích mà chỉ vì lòng tham bị cáo đi trộm cắp tài sản của người khác, do vậy cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố mới đủ giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và gia đình bị cáo có giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2019 nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Đặng Văn T số tiền 22.000.000đ. Ông T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu M bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng:

- Số tiền 22.000.000đ M trộm cắp của gia đình ông T, M đã tiêu sài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe máy M khai nhận mượn của H và đã trả lại cho H, Minh không nhớ BKS của xe. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không làm rõ được.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Dương Ngọc M được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc M 01 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/6/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Ngọc M được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc ;
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- - Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Trần Quốc Hồng